TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2022
V/v tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ-TỈNH PHÚ THỌ

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tính;

2. Bà Đặng Hồng Chiến.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:196/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2021 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42 /2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh Q - sinh năm 1984

Nơi ĐKHKTT: Thị Trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Hiện đang tạm trú tại: Đội 5, khu Hòa Phong, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc giải quyết con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Trần Xuân Thìn, sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ 15A, khu 5, phường Vân Cơ, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Lan P - sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Lê Văn Mạnh - sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

2. Chị Trương Thị Hương Giang, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 19, khu 3, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

3. Chị Cao Thị Hồng Thúy, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 40, khu 6, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

4. Bà Nguyễn Thị Vinh, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu 8, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

5. Chị Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 5, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

6. Chị Lê Thị Tuyết Nhung, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 40, khu 6, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

7. Bà Lê Thị Hoa, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, Phú Thọ

8. Chị Hà Thị Ngọc Lan, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu 3, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

(Anh Quang, ông Thìn, chị Phương, bà Hoa đều có mặt; Anh Mạnh, chị Giang, chị Thúy, bà Vinh, chị Huyền, chị Nhung, chị Lan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Quang trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phương kết hôn năm 2016 tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Phương không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc, anh đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị Phương vẫn không khắc phục, vẫn tái diễn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2019. Chị Phương đã nộp đơn ly hôn với anh 02 lần vào năm 2019 và đầu năm 2020, tuy nhiên chị Phương đều rút đơn. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Phương.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Phương trình bày: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống như anh Quang trình bày là đúng, còn mẫu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm chị cũng đã làm đơn 02 lần đến Tòa án sau đó chị rút đơn, quá trình giải quyết vụ chị không đồng ý ly hôn, đến 02/7/2021 và tại phiên tòa chị đồng ý ly hôn, vì chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai người.

Trước khi mở phiên tòa hai bên thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của họ.

-Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Hưng - sinh ngày 09/01/2017, hiện nay đang ở chị Phương. Ly hôn hai bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Anh Quang trình bày: anh xin được trực tiếp nuôi con chung vì chị Phương không quan tâm, chăm sóc gì đến con cái, anh đi làm có thu nhập cao hơn chị Phương cho nên sẽ có điều kiện chăm sóc con hơn chị Phương và hiện nay chị Phương cũng đang nuôi 01 con riêng. Về thu nhập anh hiện đang làm công nhân xưởng cơ khí của hộ kinh doanh cá thể, thu nhập 12.000.000đ/tháng. Về chỗ ở hiện nay anh đang thuê nhà ở Đội 5, khu Hòa Phong, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị Phương cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phương trình bày: Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì anh Quang không hề lo lắng, chăm sóc hay chu cấp tiền nuôi con từ lúc con sinh ra đến nay, hiện nay anh Quang đang sống một mình sẽ khó khăn trong việc nuôi dưỡng con. Còn chị hiện đang làm giáo viên Trường mầm non Vân Phú, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, chị có kỹ năng và điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh Quang, còn việc hiện nay chị nuôi 01 con riêng không anh hưởng gì đến việc chăm sóc con chung. Về thu nhận hiện nay chị có thu nhập 2.745.000đồng/tháng tại trường mầm non vì là nhân viên hợp đồng, ngoài giờ làm việc và ngày nghỉ chị phụ bán hàng thu nhập 4.000.000đồng/tháng. Về chỗ ở hiện nay chị đang ở trên nhà và đất đứng tên hai vợ chồng tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 35, ở khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, chị nuôi con có sự hỗ trợ của mẹ đẻ vì mẹ đẻ chị ở gần nhà chị. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh Quang phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung:

Trước khi mở phiên tòa, hai bên tự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận cụ thể như sau: Chị Lê Thị Lan Phương được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 35, diện tích 120m2 (đo hiện trạng sử dụng là 103,9m2), tại Khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Thanh Quang và bà Lê Thị Lan Phương hai bên thống nhất trị giá đất là 67.800.000đồng, trên đất có 01 nhà xây cấp 4, lợp mái tôn diện tích 78,5 m2 và 01 sân lát gạch có lợp mái tôn diện tích 24,2 m2 trị giá là 276.652.000đồng, tổng giá trị tài sản chị Phương sử dụng và sở hữu là 344.452.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng)

Chị Phương có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Quang là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

- Về nghĩa vụ chung về tài sản:

Trước khi mở phiên tòa, các đương sự tự thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận cụ thể như sau:

Chị Lê Thị Lan Phương có nghĩa trả nợ cho những người sau đây:

1. Anh Lê Văn Mạnh - sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 30.000.000đồng;

2. Chị Trương Thị Hương Giang - sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 19, khu 3, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 10.000.000đồng;

3. Chị Cao Thị Hồng Thúy - sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 40, khu 6, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng;

4. Bà Nguyễn Thị Vinh - sinh năm 1965, địa chỉ: Khu 8, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng;

5. Chị Nguyễn Thị Thu Huyền - sinh năm 1987, địa chỉ: Khu 5, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 40.000.000đồng;

6. Chị Lê Thị Tuyết Nhung - sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 40, khu 6, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 100.000.000đồng;

7. Bà Lê Thị Hoa - sinh năm 1964, địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng;

8. Chị Hà Thị Ngọc Lan - sinh năm 1996, địa chỉ: Khu 3, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 10.000.000đ.

Anh Quang phải thanh toán chênh lệch trả nợ cho chị Phương số tiền 20.000.000đồng.

Đối trừ thanh toán chênh lệch tài sản và chênh lệch trả nợ chị Phương phải thanh toán cho anh Quang số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn Mạnh trình bày tại bản tự khai: Anh có quan hệ là cậu ruột chị Phương, anh có nhận xây nhà cho anh Quang và chị Phương, khi xong nhà tiền công thợ hết 70.000.000đồng, chị Phương đã trả 40.000.000đồng, còn nợ lại 30.000.000đồng, anh và chị Phương thỏa thuận đến ngày 02/5/2022 chi Phương trả nốt, việc nay chỉ có giữa anh và chị Phương biết. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, anh yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Cao Thị Hồng Thúy trình bày tại bản tự khai: Vào ngày 16/2/2019, chị có cho chị Phương nợ số tiền 20.000.000đ, chị Phương vay với mục đích là xây nhà, thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 16/2/2019. Chị và chị Phương không ký kết giấy vay tiền, chỉ vay bằng miệng, đến khi anh Quang, chị Phương ly hôn thì chị và chị Phương mới ký kết giấy vay tiền, việc vay tiền chỉ có giữa chị và chị Phương biết, chị cũng chỉ giao tiền cho chị Phương. Đến nay, chị Phương vẫn chưa trả. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, chị yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vinh trình bày tại bản tự khai: Vào ngày 04/3/2019, bà có cho chị Phương nợ số tiền 20.000.000đ, mục đích là xây nhà, thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 04/3/2019. Bà và chị Phương không ký kết giấy vay tiền, chỉ vay bằng miệng đến

khi anh Quang, chị Phương ly hôn thì bà và chị Phương mới ký kết giấy vay tiền, việc vay tiền chỉ có giữa bà và chị Phương biết, bà cũng chỉ giao tiền cho chị Phương. Đến nay, chị Phương vẫn chưa trả cho bà . Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, bà yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị Hương Giang trình bày tại bản tự khai: Vào ngày 20/2/2019, chị có cho chị Phương nợ số tiền 10.000.000đ, chị Phương vay với mục đích là xây nhà, thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 20/2/2019. Chị và chị Phương đã ký kết giấy vay tiền đề ngày 20/2/2019, việc vay tiền chỉ có giữa chị và chị Phương biết, chị cũng chỉ giao tiền cho chị Phương. Đến nay, chị Phương vẫn chưa trả cho chị số tiền trên. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, chị yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu Huyền trình bày tại bản tự khai: Vào ngày 28/6/2020, chị có cho chị Phương nợ số tiền 40.000.000đ, chị Phương vay với mục đích là trả tiền ngân hàng, khi vay hai bên không có giấy tờ gì, chị Phương vẫn chưa trả cho chị số tiền trên. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, chị yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Tuyết Nhung trình bày tại bản tự khai: Vào ngày 15/3/2019, chị có cho chị Phương nợ số tiền 100.000.000đ, chị Phương vay với mục đích là xây nhà, thời hạn vay là 04 năm tính từ ngày 15/3/2019. Chị và chị Phương không ký kết giấy vay tiền, chỉ vay bằng miệng đến khi anh Quang, chị Phương ly hôn thì chị và chị Phương mới ký kết giấy vay tiền, việc vay tiền chỉ có giữa chị và chị Phương biết, chị cũng chỉ giao tiền cho chị Phương, chị Phương vẫn chưa trả cho chị. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, chị yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hoa trình bày tại bản tự khai: Bà là mẹ đẻ của chị Phương, vào ngày 25/3/2019, bà có cho chị Phương vay số tiền 20.000.000đồng, mục đích là xây nhà. Bà và chị Phương không ký kết giấy vay tiền do bà với chị Phương là mẹ con, chị Phương vẫn chưa trả cho bà số tiền trên cho bà. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, bà yêu cầu chị Phương và anh Quang phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà. Nay hai bên thỏa thuận để chị Phương trả nơ bà đồng ý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Hà Thị Ngọc Lan trình bày tại bản tự khai: Vào ngày 20/02/2019, chị có cho chị Phương nợ số tiền 10.000.000đ, chị Phương vay với mục đích là xây nhà, thời hạn vay là 03 năm tính từ ngày 20/02/2019. Chị và chị Phương không ký kết giấy vay tiền, chỉ vay bằng miệng đến khi anh Quang, chị Phương ly hôn thì chị và chị Phương mới ký kết giấy vay tiền, việc vay tiền chỉ có giữa chị và chị Phương biết, chị cũng chỉ giao tiền cho chị Phương. Đến nay, chị Phương vẫn chưa trả cho bà số tiền trên. Nay, chị Phương với anh Quang ly hôn, chị yêu cầu chị Phương phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên.

- Về chi phí tố tụng: Anh Quang đã nộp số tiền 5.320.000đồng là chi phí thẩm định, định giá tài sản. Anh yêu cầu chị Phương phải thanh toán cho anh ½ số tiền trên là 2.660.000đồng.

Toà án đã tiến hành hoà giải và tại phiên tòa hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất giải quyết tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của họ; Còn hai bên không thống nhất việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh Quang và chị Lê Thị Lan Phương.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Hưng cho chị Phương trực tiếp nuôi dưỡng, anh Quang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phương số tiền từ 1.500.000đồng đến 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc chia tài sản và trả nợ.

- Về chi phí tố tụng: Anh Quang yêu cầu mỗi bên phải chịu ½ là phù hợp.

- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Quang xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Quang phải chịu án phí của người phải cấp dưỡng nuôi con và án phí trên phần tài sản chung được chia; Chị Phương phải chịu án phí trên phần tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của chị Phương phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Anh Quang yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là "tranh chấp về hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi liên quan đều xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dụng vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Quang và chị Phương bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấp kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không tôn trọng, tin tưởng nhau, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. Xét thấy trước khi mở phiên tòa hai bên thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của họ là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đúng với thực trạng chung sống của vợ chồng, nên cần công nhận sự sự thuận tình ly hôn đó.

- Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung, hai bên đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét việc xin nuôi con của hai bên đều chính đáng, hai bên có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để nuôi con. Nhưng để đảm bảo cho quyền lợi của con chung, nên giao con chung con chung cho chị Phương trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp vì từ khi vợ chồng sống ly thân, chị Phương nuôi con vẫn đảm bảo sự phát triển và sự ổn định của con chung, vì con chung còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ mà chị Phương lại là giáo viên dậy trường mầm non nên có kỹ năng tốt hơn anh Quang về việc nuôi dậy con và trách sự sáo trộn cuộc sống của con chung làm ăn hưởng đến tâm lý của con chung; Còn anh Quang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Phương mỗi tháng 2.000.000đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng theo yêu cầu của chị Phương là phù hợp.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: xét thấy trước khi mở phiên tòa các bên đương sự tự nguyên thỏa thuận việc thỏa thuận đó không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm nên cần công nhận sự thỏa thuận của họ.

- Về công sức: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định định giá hết số tiền 5.320.000đồng, anh Quang đã nộp đủ, tại phiên tòa hai bên thỏa thuận mỗi người chịu ½, nên chị Phương có nghĩa vụ thanh toán cho anh Quang ½ số tiền trên là phù hợp.

- Về án phí: Anh Quang xin chịu toán bộ án phí ly hôn; anh Quang phải chịu tiền án phí của người phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Quang và chị Phương phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 55, Điều 58 và Điều 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a,b,đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh Quang và chị Lê Thị Lan Phương

2. Về con chung:

Giao con chung là Nguyễn Văn Hưng - sinh ngày 09/01/2017cho chị Lê Thị Lan Phương trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh Quang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phương 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng;

Chị Phương cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Quang trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Chị Lê Thị Lan Phương được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 188, tờ bản đồ số 35, diện tích 120m2 (đo hiện trạng sử dụng là 103,9m2), tại Khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Thanh Quang và bà Lê Thị Lan Phương hai bên thống nhất trị giá đất là 67.800.000đồng, trên đất có 01 nhà xây cấp 4, lợp mái tôn diện tích 78,5 m2 và 01 sân lát gạch có lợp mái tôn diện tích 24,2 m2 trị giá là 276.652.000đồng, tổng giá trị tài sản chị Phương sử dụng và sở hữu là 344.452.000đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng)

Chị Phương có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Quang là 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

4. Về nghĩa vụ chung về tài sản**:** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Lê Thị Lan Phương có nghĩa trả nợ cho những người sau đây:

4.1. Anh Lê Văn Mạnh - sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

4.2. Chị Trương Thị Hương Giang - sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 19, khu 3, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 10.000.000đ (Mười tiệu đồng);

4.3. Chị Cao Thị Hồng Thúy - sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 40, khu 6, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

4.4. Bà Nguyễn Thị Vinh - sinh năm 1965, địa chỉ: Khu 8, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

4.5. Chị Nguyễn Thị Thu Huyền - sinh năm 1987, địa chỉ: Khu 5, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng);

4.6. Chị Lê Thị Tuyết Nhung - sinh năm 1972, địa chỉ: Tổ 40, khu 6, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 100.000.000đ (Mười triệu đồng);

4.7. Bà Lê Thị Hoa - sinh năm 1964, địa chỉ: Tổ 45, khu 7, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

4.8. Chị Hà Thị Ngọc Lan - sinh năm 1996, địa chỉ: Khu 3, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Anh Quang phải thanh toán chênh lệch trả nợ cho chị Phương số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Đối trừ thanh toán chênh lệch tài sản và chênh lệch trả nợ chị Phương có nghĩa vụ thanh toán cho anh Quang số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí tố tụng: Xác nhận anh Quang đã nộp đủ tiền chi phí thẩm định định giá là 5.320.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Chị Phương có nghĩa vụ thanh toán cho anh Quang số tiền 2.660.000đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

6. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh Quang xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; anh Quang phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người phải cấp dưỡng nuôi con và phải chịu 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000026 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Anh Quang còn phải nộp số tiền án phí là 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Chị Phương phải chịu 4.361.300đ (Bốn triệu năm ba trăm sáu mươi mốt nghìn ba trăm đồng) án phí chia tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng